

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÔNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 05/2024/HS-ST
Ngày 01 – 02 – 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÔNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nga, ông Rmah In

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Niêm - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 02 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Bông, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2023/TLST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST - HS ngày 28 tháng 12 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2024/HSST - QĐ ngày 11 tháng 01 năm 2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; sinh ngày 10 tháng 7 năm 1989, tại huyện Y – tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1968 (đã chết) và con bà Nguyễn Thị T6, sinh năm 1968; Bị cáo có vợ là Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 và có 03 con (con lớn sinh năm 2011 và con nhỏ sinh năm 2019); Tiền án; tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/4/2023 đến nay, có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:** Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1975 (có mặt)

Địa chỉ: đường V, phường M, quận T, tp Hồ Chí Minh

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:**

- Bà Vũ Thị Bích Th1, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: đường V, phường M, quận T, tp Hồ Chí Minh

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1990 (vắng, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định

*** Người làm chứng:**

- Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1993 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Bùi Ngô T3, sinh năm 1998 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Hà Thị G, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Lê Thị M, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn E, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Nguyễn Thị T4, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Bà Đỗ Thị N, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn C, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Lương T5, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ dân phố N, thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Ngô Quang H, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Buôn H, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk

- Ông Nguyễn Văn Q, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Đại chỉ: thôn T, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định

- Bà Nguyễn Thị Th P, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 06 năm 2021, Nguyễn Văn T được ông Nguyễn Văn T1 nhận vào làm việc tại trại nuôi cá Tầm ở buôn H, xã Y, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, làm công việc chăm sóc cá tầm giống và cá tầm thành phẩm.

Đến tháng 9/2021, ông T1 giao cho T công việc bán cá tầm ngộp (cá bị chết hoặc bị bệnh), quản lý số cá ngộp phát sinh hàng ngày tại các ao nuôi, được thu gom vào bảo quản trong tủ đông lạnh để bán lại cho các thương lái thường xuyên mua bán cá và những người có nhu cầu mua loại cá này), đồng thời quản lý thu chi tài chính tại trại nuôi cá. Giá bán do ông T1 đưa ra, cụ thể: đối với cá dưới 01kg giá 30.000 đồng/kg, cá từ 01kg – 1,5kg giá 50.000 đồng/kg, cá từ 1,5kg – 2,5kg giá 70.000 đồng/kg và cá từ 2,5kg trở lên giá 150.000 đồng/kg. Việc bán cá được T ghi chép cụ thể loại cá bán, số lượng cá bán, giá bán, số tiền bán, người mua để theo dõi và trực tiếp quản lý số tiền này. T sử dụng số tiền này để chi trả các khoản ăn uống, sinh hoạt, chi phí phát sinh chung tại trại nuôi cá và có sổ theo dõi riêng, số tiền còn lại sẽ được chuyển cho ông T1 mỗi khi ông đến thăm trại.

Lợi dụng sự tin tưởng và thiếu kiểm tra, giám sát của ông T1 đối với việc bán cá ngộp cũng như theo dõi tài chính tại trại cá, T đã dùng thủ đoạn gian dối “bán nhiều ghi ít”, số lượng cá bán hàng ngày nhiều nhưng T không ghi vào sổ theo dõi hoặc ghi ít hơn số lượng cá đã bán thực tế để chiếm đoạt số tiền chênh lệch. Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 5/2022, T đã nhiều lần chiếm đoạt tiền bán cá tầm của ông T1, mỗi lần từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, với tổng số tiền là 202.200.000 đồng. Sau khi chiếm đoạt được số tiền nói trên, T đã cất giấu tại nơi làm việc của mình và sử dụng vào các mục đích sau:

Thứ nhất: Thông qua một số người, T đã chuyển vào số tài khoản 3211205240372 (tài khoản ngân hàng Agribank do T lập và sử dụng từ năm 2014,

sau đó đưa lại cho vợ là Nguyễn Thị Th quản lý sử dụng) với số tiền 80.700.000 đồng. Th đã dùng để trả nợ và chi phí sinh hoạt trong gia đình ở nhà tại thôn K, xã Y, huyện Y, tỉnh Nam Định hết.

Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành sao kê số tài khoản 3211205240372 của T, thể hiện từ ngày 19/11/2021 đến ngày 20/5/2022 có 15 lần tiền được chuyển vào tài khoản, với tổng số tiền 80.700.000 đồng. Trong đó, chị Nguyễn Thị T4 chuyển 03 lần tổng 18.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị T2 chuyển 07 lần tổng 42.000.000 đồng, 05 lần còn lại với số tiền 20.700.000 đồng do T nhờ người khác chuyển. Sau mỗi lần chuyển tiền T đều gọi cho Th để thông báo việc mình chuyển tiền, số tiền đã chuyển và chỉ nói tạm ứng tiền lương.

Thứ hai: Ngày 25/3/2022, T đến cửa hàng xe máy Đức T (do ông Lương T5 là chủ) mua một chiếc xe mô tô mới, nhãn hiệu Yamaha Exciter, với số tiền 53.500.000 đồng, rồi nhờ ông Lương T5 đứng tên chủ sở hữu và đăng ký biển kiểm soát 47K1-395.98 để sử dụng cá nhân. Đến cuối tháng 5/2022, T bán lại chiếc xe nói trên cho ông Bùi Ngô T3 với số tiền 38.000.000 đồng.

Thứ ba: T đã sử dụng số tiền 15.000.000 để tiêu dùng cá nhân như ăn nhậu, uống cà phê, đi chơi Nha Trang v.v...

Thứ tư: Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2022 đến cuối tháng 3/2023, T và Th lên phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương thì T sử dụng số tiền 91.000.000 đồng, (trong đó có 38.000.000 tiền bán xe cho Bùi Ngô T3 và 53.000.000 đồng tiền mà T chiếm đoạt của ông T1) để buôn bán quần áo, rau, củ quả, cá, thịt... và đã sử dụng hết toàn bộ số tiền trên.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Nguyễn Văn T tác động gia đình tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng để nhằm bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T1.

Tại bản cáo trạng số: 24/CT-VKS ngày 13/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả với số tiền là 30.000.000 đồng. Bị cáo đồng ý tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 172.200.000 đồng.

Bị hại nhất trí và xác định số tiền bị cáo đã chiếm đoạt của bị hại là 202.200.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện nộp 30.000.000 đồng để bồi thường cho bị hại, bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 172.200.000 đồng. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội: “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

* Về hình phạt: Áp dụng khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 4 năm tù.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 của Bộ luật dân sự;

Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận việc bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện nộp số tiền 30.000.000 đồng để bồi thường cho ông Nguyễn Văn T1. Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải tiếp tục bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 172.200.000 đồng.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, bị hại nhất trí với đề nghị của Kiểm sát viên và không có ý kiến tranh luận gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Krông Bông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Bông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị cáo là người đã thành niên, hoàn toàn có khả năng nhận thức và đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do ý thức coi thường pháp luật, vì động cơ vụ lợi cá nhân nên trong khoảng thời gian từ tháng 11/2021 đến tháng 5/2022, bằng hình thức hợp đồng miệng, ông Nguyễn Văn T1 đã giao cho bị cáo T việc bán cá tầm và quản lý sổ sách. Lợi dụng sự tin tưởng của ông T1, bị cáo T đã xuất bán cá tầm ngộp hàng ngày nhưng không ghi vào sổ theo dõi hoặc ghi ít hơn số lượng cá đã bán thực tế để chiếm đoạt số tiền chênh lệch, mỗi lần chiếm đoạt từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng, tổng số tiền T đã chiếm đoạt của ông Nguyễn Văn T1 là 202.200.000 đồng.

Như vậy, có căn cứ để xác định hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 175 của Bộ luật Hình sự, như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Điều 175 Bộ Luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào thực hiện một trong các hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài

sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a, Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối hoặc bỏ trốn để chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

....

3. Phạm tội chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 12 năm.

.....”

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, do đó cần có hình phạt tương xứng với mức độ hành vi mà bị cáo đã thực hiện nhằm răn đe, cảnh tỉnh đối với bị cáo.

[3] Xét về nhân thân: Bị cáo có nhân thân tốt, đây là lần đầu bị cáo phạm tội; sau khi phạm tội, bị cáo đã có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải; mặc dù hoàn cảnh khó khăn nhưng bị cáo đã tác động gia đình tự nguyện nộp tiền bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 30.000.000 đồng; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo tập trung cải tạo mới có tác dụng răn đe, giáo dục đối với bị cáo. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 51 BLHS nên xem xét cho bị cáo được áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt nhằm thể hiện chính sách pháp luật khoan hồng, nhân đạo của Nhà nước ta.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường số tiền 30.000.000 đồng, bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại số tiền 172.200.000 đồng.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Xét đề nghị của Kiểm sát viên là phù hợp nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo: Nguyễn Văn T phạm tội “ “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Căn cứ khoản 3 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 06 tháng tù, tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 03/4/2023.

2. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 46, khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 590 của Bộ luật dân sự;

Công nhận việc bị cáo Nguyễn Văn T đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại Nguyễn Văn T1 số tiền 30.000.000 đồng (*theo Biên lai thu tiền số 60AA/2021/0002327 ngày 16/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Bông*).

Buộc bị cáo Nguyễn Văn T tiếp tục bồi thường cho bị hại Nguyễn Văn T1 số tiền 172.200.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng và án phí dân sự sơ thẩm là 8.610.000 đồng.

4. Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ giám đốc kiểm tra 1 – TANDTC ;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện K;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk ;
- Phòng PV 27 Công an tỉnh Đắk Lắk ;
- CA huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- Bị cáo, bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thâm

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**